

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 – LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2025/DS-ST

Ngày: 30-9-2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bình

2. Ông Mai Thương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Sang, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Linh- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 149/2025/TLST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2025 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2025/QĐXXST-DS ngày 15/9/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2025/QĐST-DS ngày 25/9/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị Ánh L, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Tổ X, thôn Đ7, xã H1, tỉnh L (Trước đây là tổ X, khu phố X1, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh B1).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Hồng K, sinh năm 1971; nơi cư trú: Số X2 đường X3, tổ X4, thôn N10, xã Đ2, tỉnh L (Trước đây là Tổ X4, thôn X5, xã N, huyện Đ1, tỉnh B1), là người đại diện theo ủy quyền (02 văn bản ủy quyền ngày 14/5/2025 và ngày 29/8/2025).

- Bị đơn: Bà Lê Thị Hồng B, sinh năm 1982; nơi cư trú: Số nhà X6 đường L, tổ X7, thôn Đ3, xã H1, tỉnh L (Trước đây là khu phố X8, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh B1).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm T, sinh năm 1969; Nơi cư trú: Tổ X, thôn Đ7, xã H1, tỉnh L (Trước đây là tổ X, khu phố X1, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh B1).

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm T: Ông Lê Hồng K, sinh năm 1971; nơi cư trú: Ông Lê Hồng K, sinh năm 1971; nơi cư trú: Số X2 đường X3, tổ X4, thôn N10, xã Đ2, tỉnh L (Trước đây là

Tổ X4, thôn X5, xã N, huyện Đ1, tỉnh B1), là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 16/6/2025).

2. Ông Bùi Ngọc H, sinh năm 1983; nơi cư trú: Số nhà X6 đường L, tổ X7, thôn Đ3, xã H1, tỉnh L (Trước đây là khu phố X8, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh B1).

3. Bà Đinh Thị Thúy L1, sinh năm 1991; nơi cư trú: Số nhà X9 đường L, thôn Đ3, xã H1, tỉnh L (Trước đây là khu phố X8, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh B1).

4. Ông Điền Hòa Bảo Q, sinh năm 1991; nơi cư trú: Số nhà X10 đường Tr, thôn V, xã H1, tỉnh Lâm Đồng (Trước đây là khu phố X11, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh B1).

Ông K, bà B có mặt. Ông H, bà Thúy L1, ông Q có yêu cầu vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/4/2025, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 28/8/2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Trương Thị Ánh L đồng thời là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm T là ông Lê Hồng K trình bày:

Ngày 08/5/2024, bà Lê Thị Hồng B có lập giấy viết tay mượn của bà Trương Thị Ánh L số tiền là 36.000.000đồng (Ba mươi sáu triệu đồng) và có hứa miệng sau 06 tháng sẽ trả cho bà L.

Ngày 05/8/2024, bà Lê Thị Hồng B có lập giấy viết tay mượn của bà Trương Thị Ánh L số tiền là 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng) và có hứa miệng sau 06 tháng sẽ trả cho bà L.

Sau hai lần mượn với tổng số tiền là 86.000.000 đồng (Tám mươi sáu triệu đồng), bà L nhiều lần liên hệ trực tiếp với bà B nhưng bà B cứ hứa hẹn không chịu trả. Nay bà Trương Thị Ánh L làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng (Trước đây là Tòa án nhân dân huyện Đ1, tỉnh B1) giải quyết: Buộc bà Lê Thị Hồng B cùng ông Bùi Ngọc H liên đới chịu trách nhiệm trả cho Trương Thị Ánh L số tiền 86.000.000 đồng (Tám mươi sáu triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 05/8/2024 đến ngày 05/4/2025 (08 tháng) là 5.120.000 đồng. Tổng số tiền phải trả là 91.120.000 đồng.

* Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 28/8/2025, nguyên đơn trình bày: Ngày 06/7/2024, thông qua ứng dụng zalo, tài khoản zalo “bach le” của bà Lê Thị Hồng B, số điện thoại 0856399979 nhắn tin nói với bà Trương Thị Ánh L, tài khoản zalo “loan” cầm theo cho em mượn 15.000.000 đồng. Cũng thông qua zalo, bà L trả lời “ok” “15 triệu nha em”, bà B trả lời “ok chị”.

Sau đó, bà B còn mượn của bà L 5.000.000 đồng tiền mặt và đưa tận tay, không lập giấy nợ. Tổng cộng hai lần mượn số tiền 20.000.000 đồng. Nhiều lần bà L yêu cầu bà B trả tiền nên bà B có chuyển khoản cho bà L số tiền 20.000.000 đồng tại dịch vụ Bảo Quốc.

Nay bà L yêu cầu Tòa xem xét giải quyết buộc bà Lê Thị Hồng B cùng ông Bùi Ngọc H liên đới trả cho bà L số tiền 20.000.000 đồng. Số tiền này là của riêng bà L, không liên quan đến ông Phạm T.

* Tại phiên hòa giải, ông K trình bày: Bị đơn có mượn của nguyên đơn 02 lần bằng 02 giấy mượn tiền ngày 08/5/2024 số tiền 36.000.000 đồng và ngày 05/8/2024 số tiền 50.000.000 đồng. Ngoài ra, theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 28/8/2025, bà B còn mượn của bà L số tiền 20.000.000 đồng (15.000.000 đồng mượn qua ứng dụng zalo và 5.000.000 đồng mượn miệng tại quán cà phê, cả 02 lần đều vào ngày 06/7/2024, tiền đã được bà L giao cho bà B trực tiếp tại quán cà phê Tao Ngộ tại thị trấn Đ), (tuy nhiên số tiền này đã được bà B nhờ ông Điền Hòa Bảo Q chuyển khoản trả ngày 30/11/2024, nhưng vì bà B cho rằng số tiền ông Q chuyển khoản không liên quan đến 20.000.000 đồng này nên bà L phải khởi kiện bổ sung để tòa án xem xét giải quyết). Tổng số tiền bà B và ông H nợ bà L là 106.000.000 đồng.

Tuy nhiên cho đến nay bị đơn chỉ mới trả được cho nguyên đơn 24.000.000 đồng, gồm:

+ 20.000.000 đồng do ông Điền Hòa Bảo Q chuyển khoản giùm vào ngày 30/11/2024 vào tài khoản bà L để trả cho số tiền mượn ngày 06/7/2024 (15.000.000 đồng mượn qua ứng dụng zalo và 5.000.000 đồng mượn miệng tại quán cà phê).

+ 4.000.000 đồng do bà Đinh Thị Thúy L1 chuyển khoản vào tài khoản bà L ngày 23/12/2024.

Như vậy, bà B và ông H còn nợ lại bà L số tiền 82.000.000 đồng, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà B và ông H trả cho bà L số tiền 82.000.000 đồng còn nợ, không yêu cầu tính lãi. Đây là tiền cá nhân của bà L, không liên quan đến chồng bà L là ông Phạm T.

* Tại phiên tòa, ông K trình bày: Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung, người đại diện nguyên đơn thay đổi chỉ yêu cầu bà B trả số tiền 15.000.000 đồng mượn thông qua nhắn tin trên ứng dụng zalo, nhưng không nhớ rõ ngày, tiền đã được bà L giao cho bà B trực tiếp nhưng không rõ nơi giao tiền. Cụ thể bà B đã trả được: Ngày 30/11/2024, số tiền 20.000.000 đồng do ông Điền Hòa Bảo Q chuyển khoản giùm vào tài khoản bà L là để trả cho khoản tiền 15.000.000 đồng mượn qua nhắn tin zalo và 5.000.000 đồng để trả cho khoản mượn theo 02 giấy mượn; ngày 23/12/2024, số tiền 4.000.000 đồng do bà Đinh Thị Thúy L1 chuyển khoản vào tài khoản bà L. Như vậy, bà Trương Thị Ánh L yêu cầu bà Lê Thị Hồng B cùng chồng là ông Bùi Ngọc H chịu trách nhiệm trả cho bà Trương Thị Ánh L số tiền nợ còn lại là 77.000.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu đồng), không yêu cầu trả tiền lãi.

Ngoài 02 khoản tiền theo đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung của nguyên đơn, thì bà B vẫn còn nợ bà L 01 khoản tiền 60.000.000 đồng, chưa trả được (bà L chưa khởi kiện đối với khoản tiền này).

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/6/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thị Hồng B trình bày: Bà B và ông Bùi Ngọc H, sinh năm 1983 là vợ chồng, cùng sinh sống tại Số nhà X6 đường L, tổ X7, thôn Đ3, xã H1, tỉnh L (Trước đây là khu phố X8, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh B1).

Ngày 08/5/2024, bà B có mượn tiền của bà Trương Thị Ánh L, bà Nguyễn L2 (tên thường gọi là Sáu) số tiền 36.000.000 đồng, giấy không thỏa thuận về lãi suất, không có thời hạn vay. Tiền này mục đích để chơi số đề cho cá nhân bà B, không vì mục đích lo cho gia đình. Bà L và bà L2 đưa cho bà B mẫu giấy mượn tiền in sẵn và bà B trực tiếp ghi các nội dung trong giấy giống như giấy nguyên đơn cung cấp cho Tòa. Bà B ký tên và ghi rõ họ tên bên dưới. Trong giấy không ghi rõ bà B mượn tiền của ai, nhưng bà B biết thực tế là mượn tiền của 02 bà L và L2. Bà B biết bà L và bà L2 sống chung nhà. Sau đó, bà B nhiều lần đến nhà 02 bà L và L2 trả tiền, mỗi lần trả gặp ai trong số 02 bà này thì bà B đưa cho người đó. Ngoài ra, có 01 lần bà B nhờ chồng bà B chuyển khoản từ số tài khoản tên Bùi Ngọc H tại ngân hàng Agribank số 4813205230210 vào tài khoản của bà Nguyễn L2 ngân hàng vietcombank số 1016743125 số tiền 10.000.000 đồng ngày 23/5/2024. Lúc đó bà B nói là chuyển tiền công việc chứ không nói là trả tiền nợ nên chồng bà B giúp bà B chuyển tiền. Số tiền bà B đã trả là 27.000.000 đồng.

Ngày 05/8/2024, bà B có mượn tiền của bà Trương Thị Ánh L, bà Nguyễn L2 (tên thường gọi là Sáu) số tiền là 41.000.000 đồng, cộng với số tiền 9.000.000 đồng của khoản vay trước thành số tiền 50.000.000 đồng, giấy không thỏa thuận về lãi suất, không có thời hạn vay. Tiền này mục đích để chơi số đề cho cá nhân bà B, không vì mục đích lo cho gia đình. Bà L và bà L2 đưa cho bà B mẫu giấy mượn tiền in sẵn và bà B trực tiếp ghi các nội dung trong giấy giống như giấy nguyên đơn cung cấp cho Tòa. Bà B ký tên và ghi rõ họ tên bên dưới. Trong giấy không ghi rõ bà B mượn tiền của ai, nhưng bà B biết thực tế là mượn tiền của 02 bà L và L2. Bà B biết bà L và bà Sáu sống chung nhà. Sau đó, bà B nhiều lần đến nhà 02 bà L và L2 trả tiền, mỗi lần trả gặp ai trong số 02 bà này thì bà B đưa cho người đó. Số tiền bà B đã trả là 34.000.000 đồng, cụ thể:

+ Bà B đến Tiệm điện thoại Quốc Bảo tại thị trấn Đ để nhờ chuyển tiền trả cho bà L số tiền 10.000.000 đồng. Nội dung chuyển khoản là từ tài khoản ngân hàng Viettinbank 106002014250 đến tài khoản tên Trương Thị Ánh L tại Ngân hàng Agribank số 4813205433327. Bà B không nhớ rõ ngày nên sẽ cung cấp sau.

+ Ngày 30/11/2024, bà B đến Tiệm điện thoại Quốc Bảo tại thị trấn Đ để nhờ chuyển tiền trả cho bà L số tiền 20.000.000 đồng. Nội dung chuyển khoản là từ tài khoản ngân hàng Viettinbank 106002014250 đến tài khoản tên Trương Thị Ánh L tại Ngân hàng Agribank số 4813205433327.

+ Ngày 23/12/2024, bà B nhờ bà Đình Thị Thúy L1 chuyển tiền cho bà L số tiền 4.000.000 đồng. Nội dung chuyển khoản là từ tài khoản ngân hàng Viettinbank 0908800903 đến tài khoản tên Trương Thị Ánh L tại Ngân hàng Agribank số 4813205433327.

Như vậy, đối với 02 khoản tiền mượn này, bà B chỉ còn nợ lại 16.000.000 đồng. Đây là nợ cá nhân của bà B không liên quan đến ông H, nên bà B đồng ý cá nhân bà B sẽ trả số tiền còn nợ là 16.000.000 đồng cho bà L và bà L2.

Về tiền lãi, bà B không đồng ý trả số tiền lãi như nguyên đơn yêu cầu.

Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn buộc bà B cùng ông H phải trả cho bà L số tiền 20.000.000 đồng (mà theo nguyên đơn trình bày là

15.000.000 đồng mượn qua ứng dụng zalo và 5.000.000 đồng mượn tại quán cà phê, cả 02 lần đều vào ngày 06/7/2024) thì bà B không có mượn, không nhận tiền. Vì vậy bà B không chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa, bà B trình bày: Không đồng ý với trình bày của nguyên đơn và giữ nguyên ý kiến trình bày trước đây: Đối với 02 giấy mượn tiền, số tiền còn nợ lại là 16.600.000 đồng, đây là do bà chơi đề nợ tiền bà L nên bà đồng ý cá nhân chịu trách nhiệm trả số tiền 16.600.000 đồng. Đối với số tiền mà nguyên đơn khởi kiện bổ sung, bà thừa nhận tài khoản zalo “Bach le” là của bà tạo từ số điện thoại 0856.399979, có nhắn tin như nội dung tin nhắn mà nguyên đơn trình bày trong đơn, nhưng thực tế bà không mượn và không nhận số tiền nào từ bà L nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên bà không có ý kiến gì.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/7/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Ngọc H trình bày: Ông H và bà Lê Thị Hồng B là vợ chồng, cùng sinh sống tại số X6 đường L, tổ X7, thôn Đ3, xã H1, tỉnh L (Trước đây là khu phố X8, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh B1).

Từ trước đến nay ông H không biết việc bà B có mượn tiền của bà Trương Thị Ánh L. Khi nhận được đơn khởi kiện bà L gửi đến nhà, ông H mới biết việc bà B mượn tiền. Lúc đó bà B mới thừa nhận là có mượn tiền bà L, số tiền cụ thể bao nhiêu thì ông H không rõ, bà B nói là mượn tiền để chơi đề. Trước đây, có 01 lần bà B nhờ ông H chuyển khoản từ tài khoản tại ngân hàng Agribank số 4813205230210 của ông H vào số tài khoản của bà Nguyễn Thị L2 tại ngân hàng vietcombank số tiền 10.000.000 đồng. Lúc đó ông H có hỏi chuyển làm gì thì bà B nói có công việc. Ông H không biết có liên quan gì đến khoản nợ của bà B đối với bà L không.

Hai vợ chồng ông H làm công việc đi cạo mủ cao su thuê, thu nhập đủ sống. Từ trước đến nay ông H không thấy bà B phát sinh thêm khoản tiền lớn hay có nguồn thu nhập lạ nào khác ngoài tiền đi cạo mủ thuê.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Ánh L buộc vợ chồng ông H cùng chịu trách nhiệm trả số tiền nợ như trong đơn khởi kiện là 91.120.000 đồng (Chín mươi một triệu một trăm hai mươi nghìn đồng), trong đó tiền nợ gốc là 86.000.000 đồng và tiền lãi là 5.120.000 đồng, thì ông H có ý kiến như sau: Việc mượn tiền giữa bà L và bà B không liên quan đến ông H, vì bà B mượn để chơi đề, không đem tiền này về cho gia đình. Ngoài ra, trong giấy không có chữ ký của ông H, thời điểm bà B mượn ông H không biết. Vì vậy, ông H không đồng ý cùng bà B trả nợ.

* Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung mà nguyên đơn buộc ông H và bà B phải trả thêm số tiền 20.000.000 đồng, ông H hoàn toàn không biết gì về số tiền này và không liên quan đến tất cả các vấn đề trong vụ án này. Đề nghị Tòa án không đưa ông vào tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

- Tại bản tự khai ngày 11/9/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm T trình bày: Số tiền bà Trương Thị Ánh L cho bà B vay là tiền riêng của bà L không liên quan đến ông. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/7/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Điền Hòa Bảo Q trình bày: Vào ngày 30/11/2024, bà Lê Thị Hồng B, sinh năm 1982 có đến nhờ ông Q chuyển khoản số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Sau khi bà B cung cấp thông tin số tài khoản, họ tên người nhận chuyển khoản thì ông sử dụng tài khoản số 106002014250 đứng tên Điền Hòa Bảo Q mở tại ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam (VietinBank) chuyển vào số tài khoản 4813205433327 tên Trương Thị Ánh L mở tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (AgriBank) số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Ông Q không ghi nội dung giao dịch. Ông Q không rõ bà B chuyển tiền cho người tên Trương Thị Ánh L để làm gì. Do ông Q làm dịch vụ chuyển khoản nên khi bà B nhờ thì ông chuyển giúp. Ông hoàn toàn không có quen biết gì hay phát sinh giao dịch gì giữa cá nhân ông với người nhận chuyển khoản Trương Thị Ánh L. Số tiền ông Q dùng chuyển khoản là tài sản riêng của ông, không liên quan đến ai. Giữa ông Q và bà Lê Thị Hồng B đã giải quyết toàn bộ các vấn đề liên quan đến số tiền mà bà B nhờ ông Q chuyển khoản nên ông Q không có liên quan gì đến vụ án. Ông Q từ chối tham gia tố tụng trong vụ án tranh chấp giữa bà B với bà L và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ông. Ông Q cam đoan những nội dung trình bày ở trên là đúng sự thật và không có khiếu nại gì.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/7/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Thúy L1 trình bày: Vào ngày 23/12/2024, bà Lê Thị Hồng B, sinh năm 1982 có liên hệ nhờ bà chuyển tiền qua tài khoản cho chủ tài khoản tên Trương Thị Ánh L. Sau khi bà B cung cấp thông tin số tài khoản tên chủ tài khoản và số tiền chuyển thì bà Thúy L1 dùng tài khoản số 0908800903 đứng tên Đinh Thị Thúy L1 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Hồ Chí Minh chuyển vào tài khoản số 4813205433327 tên Trương Thị Ánh L mở tại Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Giữa bà Thúy L1 và chủ tài khoản nhận tiền Trương Thị Ánh L hoàn toàn không có quen biết gì hay phát sinh giao dịch gì. Do là hàng xóm đối diện nhà và có quen biết với bà B nên khi bà B nhờ thì bà Thúy L1 chuyển tiền hộ. Bà Thúy L1 không rõ bà B chuyển tiền cho bà L để làm gì. Số tiền mà bà dùng chuyển cho bà L là tiền riêng của cá nhân bà, không liên quan đến ai. Giữa bà Thúy L1 và bà B cũng đã giải quyết toàn bộ các vấn đề liên quan đến số tiền mà bà B nhờ bà chuyển khoản nên bà không liên quan gì đến vụ án tranh chấp giữa các bên, vì vậy bà Thúy L1 từ chối tham gia tố tụng và đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt bà.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/7/2025, bà Nguyễn Thị L2 trình bày: Vào ngày 23/05/2024, tài khoản của bà L2 tên Nguyễn Thị L2 số tài khoản 1016743125 mở tại ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) nhận được 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) từ tài khoản số 4813205230210 đứng tên Bùi Ngọc H mở tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (AgriBank). Số tiền 10.000.000 đồng mà bà L2 nhận được từ tài khoản của ông Bùi Ngọc H là tiền mà vợ chồng bà Lê Thị Hồng B, sinh năm 1982 trả nợ còn

thiếu cho bà L2 chứ không phải là tiền mà bà B trả nợ cho bà Trương Thị Ánh L. Giữa bà L2 và bà Trương Thị Ánh L không có quen biết, cũng không có thỏa thuận gì về việc bà L2 nhận tiền của bà B để đưa lại cho bà L. Do đó, bà L2 không có liên quan gì đến tranh chấp giữa bà L và bà B nên từ chối tham gia tố tụng và đề nghị Tòa án không triệu tập.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng:

+ Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và các đương sự chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Ngọc H, ông Điền Hòa Bảo Q, bà Đinh Thị Thúy L1 có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H, ông Q, bà Thúy L1 là đúng quy định.

+ Về nội dung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đại diện nguyên đơn trình bày: Bà B có mượn bà L 02 lần bằng 02 giấy mượn tiền ngày 08/5/2024 số tiền 36.000.000 đồng và ngày 05/8/2024 số tiền 50.000.000 đồng. Ngoài ra, theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 28/8/2025 và yêu cầu thay đổi tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày bà B còn mượn của bà L số tiền 15.000.000 đồng mượn qua ứng dụng zalo. Tổng số tiền bà B và ông H nợ bà L là 101.000.000 đồng. Tuy nhiên cho đến nay bị đơn chỉ mới trả được cho nguyên đơn 24.000.000 đồng, gồm:

+ 20.000.000 đồng do ông Điền Hòa Bảo Q chuyển khoản giùm vào ngày 30/11/2024 vào tài khoản bà L để trả cho số tiền 15.000.000 đồng mượn qua ứng dụng zalo và 5.000.000 đồng cho khoản tiền mượn theo 02 giấy mượn tiền trong hồ sơ.

+ 4.000.000 đồng do bà Đinh Thị Thúy L1 chuyển khoản vào tài khoản bà L ngày 23/12/2024 để trả cho khoản tiền mượn theo 02 giấy mượn tiền.

Bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà B và ông H trả cho bà L số tiền 77.000.000 đồng còn nợ, không yêu cầu tính lãi. Đây là tiền cá nhân của bà L, không liên quan đến chồng bà L là ông Phạm T. Bà B thừa nhận có nợ bà L như 02 giấy mượn với tổng số tiền ghi trong 02 giấy là 86.000.000 đồng và cho rằng tiền này do chơi đề của bà L nên bị nợ. Bà B cho rằng đã trả nợ nhiều lần, số tiền nợ còn lại là 16.600.000 đồng, bà B chỉ chứng minh được có 02 lần chuyển khoản như nguyên đơn thừa nhận với số tiền 24.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn, bà B thừa nhận có nhắn tin qua zalo như nguyên đơn trình bày trong đơn khởi kiện bổ sung nhưng không thừa nhận có nhận số tiền 15.000.000 đồng này trên thực tế. Nhận thấy, nguyên đơn không chứng minh được việc có giao cho bị đơn số tiền 15.000.000 đồng này nên không có cơ sở chấp nhận.

Nguyên đơn thừa nhận ngoài các khoản tiền mượn như trong hồ sơ vụ án này, giữa hai bên chỉ còn quan hệ mượn tiền 60.000.000 đồng chưa khởi kiện và bà B chưa trả được khoản nào trong số 60.000.000 đồng. Từ đó nhận thấy, những chứng từ chuyển khoản được nguyên đơn thừa nhận với tổng số tiền 24.000.000 đồng là để trả cho khoản tiền mượn 86.000.000 đồng. Số tiền bà B còn nợ lại

nguyên đơn là 62.000.000 đồng. Giấy nợ không có chữ ký của ông H và nguyên đơn không chứng minh được bị đơn mượn tiền vào mục đích phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình. Từ đó, đề nghị Tòa án chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu buộc bà B trả số tiền còn nợ là 62.000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu buộc bà B trả số tiền 15.000.000 đồng của yêu cầu khởi kiện ngày 22/4/2025 và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn đối với số tiền 15.000.000 đồng. Về tiền lãi: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Ngọc H, ông Điền Hòa Bảo Q, bà Đinh Thị Thúy L1 có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H, ông Q, bà Thúy L1 là đúng quy định.

[2] Về nội dung: Theo yêu cầu khởi kiện ban đầu, bà Trương Thị Ánh L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị Hồng B và ông Bùi Ngọc H trả cho bà L số tiền 86.000.000 đồng còn nợ theo Giấy mượn tiền ngày 08/5/2024, Giấy mượn tiền ngày 05/8/2024 và theo yêu cầu khởi kiện bổ sung, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà B và ông H trả cho bà L số tiền 15.000.000 đồng mượn trên tin nhắn ứng dụng zalo được thể hiện tại vi bằng số 29/2025/VBTPLĐL lập ngày 03/9/2025. Tổng cộng số tiền yêu cầu giải quyết là 101.000.000 đồng. Không yêu cầu tính lãi.

Nộp kèm là bản chính Giấy mượn tiền ngày 08/5/2024, bản chính Giấy mượn tiền ngày 05/8/2024 và 01 vi bằng số 29/2025/VBTPLĐL lập ngày 03/9/2025.

[3] Theo Giấy mượn tiền ngày 08/5/2024 do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án thể hiện nội dung: Bà Lê Thị Hồng B khu phố X7, tổ X7, số nhà X6 đường LĐT số tiền mượn 36.000.000 đồng, người mượn ký tên Lê Thị Hồng B và 01 chữ Bích phía dưới.

Giấy mượn tiền ngày 05/8/2024 do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án thể hiện nội dung: Bà Lê Thị Hồng B khu phố X7, tổ X7, Đ, Đ1, B, năm mươi triệu, số nhà X6 đường L, người mượn ký tên Lê Thị Hồng B.

Vi bằng số 29/2025/VBTPLĐL lập ngày 03/9/2025 được lập nhằm ghi nhận sự kiện, hành vi sau đây: Ghi nhận hành vi, sự kiện trích xuất nội dung tin nhắn trong ứng dụng Zalo trên điện thoại di động nhãn hiệu “iPhone”, tên máy “iPhone 14 Pro Max”, số máy MQ9P3VN/A, số sê ri JX2W100VH0, IMEI 359265389367588, IMEI 2 số 35926538853691 để ghi nhận nội dung tin nhắn, tài khoản gửi/nhận tin nhắn, thời gian gửi/nhận tin nhắn giữa tài khoản có tên là “Loan”, số điện thoại “0384890879” của bà Trương Thị Ánh L, và tài khoản có tên là “bach le”, số điện thoại “0856399979” của bà Lê Thị Hồng B, tại văn phòng Thừa phát lại Đ1, số 558B đường Cách Mạng Tháng 8, thôn Võ Xu 1, xã Đ1, tỉnh

L. Trong vi bằng có chụp lại 01 số hình ảnh được nguyên đơn cho là tin nhắn giữa bà L và bà B, trong đó có 01 đoạn nội dung trong hình ảnh không nhìn rõ ngày, mà nguyên đơn trình bày là bà B mượn tiền bà L: “chỉ cam theo cho e muon may trieu vhu chong e nam trong buon ko lay tien duoc co it a sơ chơi ko đu” “ok” “15 triệu nha e”, “ok chỉ”.

[4] Về yêu cầu khởi kiện ngày 22/4/2025 của nguyên đơn: Bị đơn bà Lê Thị Hồng B thừa nhận ngày 08/5/2024 có ghi giấy mượn tiền cho bà L số tiền 36.000.000 đồng và ngày 05/8/2024 có ghi giấy mượn tiền cho bà L số tiền 50.000.000 đồng; cả hai Giấy do bà B ghi, tuy nhiên, bà B cho rằng đây là tiền chơi đề mà bà B nợ bà L chứ không phải tiền mượn. Đối với khoản tiền trong giấy ngày 05/8/2025 là tiền cộng dồn từ số tiền mượn mới là 41.000.000 đồng, cộng với số tiền 9.000.000 đồng của khoản vay ngày 08/5/2024 thành số tiền 50.000.000 đồng, nhưng không có gì chứng minh.

Như vậy, thực tế giữa bà L và bà B có việc mượn số tiền cả hai lần là 86.000.000 đồng. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh được quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[5] Về yêu cầu khởi kiện bổ sung ngày 28/8/2025 của nguyên đơn: Đại diện nguyên đơn cho rằng bà B có mượn của bà L số tiền 15.000.000 đồng mượn qua tin nhắn ứng dụng zalo nhưng không nhớ rõ ngày, tiền đã được bà L giao cho bà B trực tiếp nhưng không rõ nơi giao tiền.

Nhận thấy, yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn chỉ căn cứ vào tin nhắn trên ứng dụng zalo được lập vi bằng, tại vi bằng lại không thể hiện rõ ngày, nguyên đơn thừa nhận thực tế không có biên bản giao nhận tiền và không rõ nơi giao tiền. Bị đơn bà B chỉ thừa nhận có nhắn tin qua ứng dụng zalo với nội dung như trong đơn khởi kiện bổ sung nhưng không thừa nhận việc có nhận tiền số tiền 15.000.000 đồng của bà L. Do đó, không có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn.

[6] Về số tiền bị đơn đã trả cho nguyên đơn: Bà B cho rằng đã nhiều lần trả số tiền nợ cho bà L, số tiền còn nợ lại là 16.600.000 đồng và đồng ý trả số tiền này. Bà B cung cấp thông tin đã chuyển khoản trả tiền cho bà L, gồm:

+ Ngày 23/5/2024, ông Bùi Ngọc H chuyển khoản từ số tài khoản tên Bùi Ngọc H tại ngân hàng Agribank số 4813205230210 vào tài khoản của bà Nguyễn Thị L2 ngân hàng vietcombank số 1016743125 số tiền 10.000.000 đồng. Đối với khoản tiền này, nguyên đơn không thừa nhận. Bà Nguyễn Thị L2 cho rằng đây là số tiền vợ chồng bà Lê Thị Hồng B, sinh năm 1982 trả nợ còn thiếu cho bà L2 chứ không phải là tiền mà bà B trả nợ cho bà Trương Thị Ánh L. Giữa bà L2 và bà Trương Thị Ánh L không có quen biết, cũng không có thỏa thuận gì về việc bà L2 nhận tiền của bà B để đưa lại cho bà L. Nhận thấy đây là giao dịch dân sự giữa ông H và bà L2, vì vậy, không có căn cứ xem xét là chứng cứ trong vụ án.

+ Bà B nhờ ông Điền Hòa Bảo Q -Tiệm điện thoại Quốc Bảo tại thị trấn Đ chuyển tiền 10.000.000 đồng trả cho bà L. Nội dung chuyển khoản là từ tài khoản ngân hàng Viettinbank 106002014250 đến tài khoản tên Trương Thị Ánh L tại Ngân hàng Agribank số 4813205433327. Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng, bà B

không cung cấp được chứng từ giao dịch liên quan đến việc chuyển khoản này và nguyên đơn không thừa nhận, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Q không trình bày, nên không có cơ sở xem xét.

+ Ngày 30/11/2024, bà B nhờ ông Điền Hòa Bảo Q -Tiệm điện thoại Quốc Bảo tại thị trấn Đ chuyển số tiền 20.000.000 đồng trả cho bà L. Nội dung chuyển khoản là từ tài khoản ngân hàng Viettinbank 106002014250 đến tài khoản tên Trương Thị Ánh L tại Ngân hàng Agribank số 4813205433327. Bà B cung cấp được chứng từ sao kê, ông Q trình bày có việc chuyển khoản trên và đã giải quyết xong vấn đề liên quan đến số tiền này với bà B. Đại diện nguyên đơn thừa nhận số tiền 20.000.000 đồng này là bà B trả nợ cho bà L, nhưng cho rằng đây là tiền chuyển trả nợ cho số tiền 15.000.000 đồng mà nguyên đơn có yêu cầu khởi kiện bổ sung và thừa nhận có 5.000.000 đồng là chuyển trả cho khoản nợ 86.000.000 đồng. Như nhận định ở trên, việc khởi kiện bổ sung của nguyên đơn không có căn cứ, bên cạnh đó, theo nguyên đơn trình bày, ngoài những khoản nợ trong vụ án, giữa bà L và bà B chỉ còn khoản nợ 60.000.000 đồng mà bà B chưa trả được cho bà L. Từ đó xác định, số tiền 20.000.000 đồng này đương nhiên dùng để trả cho khoản nợ 86.000.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn mà không phải dùng để trả cho khoản nợ nào khác.

+ Ngày 23/12/2024, bà B nhờ bà Đinh Thị Thúy L1 chuyển số tiền 4.000.000 đồng cho bà L. Nội dung chuyển khoản là từ tài khoản ngân hàng Viettinbank 0908800903 đến tài khoản tên Trương Thị Ánh L tại Ngân hàng Agribank số 4813205433327. Điều này được nguyên đơn và bà Thúy L1 thừa nhận. Vì vậy, nguyên đơn đồng ý trừ số tiền này vào số tiền mượn 86.000.000 đồng.

[6.1] Như vậy, theo nguyên đơn, số tiền 5.000.000 đồng do ông Q chuyển khoản cho bà L cộng với số tiền 4.000.000 đồng bà Thúy L1 chuyển cho bà L, số tiền bà B phải trả còn lại là 77.000.000 đồng.

[6.2] Đối với việc bà B cho rằng nhiều lần đến nhà bà L trả tiền cho bà L, bà B không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có cơ sở xem xét.

[6.3] Từ đó, số tiền mà bà B đã trả được cho nguyên đơn trong tổng số tiền mượn 86.000.000 đồng theo 02 giấy mượn tiền là: 20.000.000 đồng + 4.000.000 đồng = 24.000.000 đồng. Trong đó có 9.000.000 đồng nguyên đơn thừa nhận. Số tiền bà B còn nợ lại nguyên đơn là 62.000.000 đồng.

[7] Về trách nhiệm trả tiền:

[7.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Quá trình tố tụng, ông Bùi Ngọc H trình bày, số tiền bà B mượn không liên quan đến ông H, vì bà B mượn để chơi đề, không đem tiền này về cho gia đình. Ngoài ra, trong giấy không có chữ ký của ông H, thời điểm bà B mượn ông H không biết. Vì vậy, ông H không đồng ý cùng bà B trả nợ. Nhận thấy, mặc dù bà B và ông H là vợ chồng hợp pháp, nhưng quá trình bà B mượn tiền ông H đều không ký tên vào 02 Giấy mượn, trong Giấy mượn không ghi lý do mượn tiền, cả bà B và ông H đều không thừa nhận đây là nợ chung nên không có cơ sở xem xét việc mượn tiền để phục vụ cho nhu cầu thiết

yếu trong gia đình. Từ đó không có căn cứ xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng bà B, ông H theo quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, do đó, trách nhiệm trả tiền nợ thuộc về cá nhân bà B.

[7.2] Về yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn: Ông H trình bày hoàn toàn không biết gì về số tiền này và không liên quan gì đến tất cả các vấn đề trong vụ án này. Tuy nhiên, vì số tiền nguyên đơn yêu cầu không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trách nhiệm trả tiền thuộc về ai.

[7.3] Đại diện nguyên đơn đồng thời là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm T thừa nhận số tiền mà bà L cho mượn là tài sản cá nhân của bà L, không liên quan đến chồng bà là ông Phạm T.

[7.4] Như vậy, yêu cầu của nguyên đơn tại đơn khởi kiện ban đầu buộc bà B, ông H trả số tiền 77.000.000 đồng là không phù hợp. Chỉ có căn cứ chấp nhận việc buộc bà B trả số tiền 62.000.000 đồng. Không có căn cứ chấp nhận việc buộc trả số tiền 15.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung buộc bà B, ông H trả cho bà L số tiền 15.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

[8] Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bà Lê Thị Hồng B về việc buộc trả số tiền 62.000.000 đồng. Không có căn cứ chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện buộc trả số tiền 15.000.000 đồng và yêu cầu khởi kiện bổ sung buộc trả số tiền 15.000.000 đồng. Từ đó chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị Ánh L phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, bà Lê Thị Hồng B phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 92, 144, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Các Điều 357, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 6, 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Ánh L đối với bị đơn bà Lê Thị Hồng B về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Lê Thị Hồng B có trách nhiệm thanh toán cho bà Trương Thị Ánh L số tiền 62.000.000 đồng (Sáu mươi hai triệu đồng).

2. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Ánh L đối với bị đơn bà Lê Thị Hồng B đối với số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) và phần yêu cầu khởi kiện bổ sung số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị Hồng B phải chịu 3.100.000 đồng (Ba triệu một trăm nghìn đồng).

- Bà Trương Thị Ánh L phải chịu 1.500.000 đồng án phí. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.150.000 đồng (Hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005424 ngày 09 tháng 5 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 17 – Lâm Đồng (Trước đây là Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ1) và số tiền tạm ứng án phí đã nộp 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002773 ngày 29/8/2025 của Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Trả lại cho bà L số tiền 1.150.000 đồng (Một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Dương sự (2);
- VKSND KV 17 – Lâm Đồng(1);
- Phòng THADS KV 17 – Lâm Đồng (1);
- TAND tỉnh Lâm Đồng (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Dung